TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẦU GIẤY **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **20**/2023/HNGĐ - ST
Ngày: 17/7/2023
(V/v tranh chấp Ly hôn)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẦU GIẤY – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ toạ phiên toà: Bà Tô Thanh Tú - Thẩm phán

Các Hội thẩm nhân dân:1. Ông Lưu Văn Thiệm

2. Bà Bùi Thị Minh Hoa

-Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Thanh Hưng - Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân Quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận Cầu Giấy *tham gia phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Thảo - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 07 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 368/2021/TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2021 về việc "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 101/2023/QĐXXST ngày 13 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 100/QĐHPT ngày 11 tháng 07 năm 2023 giữa các đương sự:

1.*Nguyên đơn*: **Ông Vũ Quang N, sinh năm 1975**

ĐKHKTT: Căn hộ A2-P402, Tòa nhà A3 chung cư V, đường K, phường T, quận C, thành phố Hà Nội.

Nơi ở hiện tại: Nhà N4 A17 đường P, phường M, quận N, thành phố Hà Nội.

Có mặt tại phiên tòa

2.*Bị đơn:* **Bà Bùi Thị T, sinh năm 1976**

ĐKHKTT: Căn hộ A2-P402, Tòa nhà A3 chung cư V, đường K, phường T, quận C, thành phố Hà Nội.

Nơi ở hiện tại: Phòng 2501 29T2 tòa N05 chung cư H, phường T, quận C, thành

phố Hà Nội.

Có mặt tại phiên tòa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Bản tự khai, các văn bản tố tụng tại Tòa án và tại phiên tòa, nguyên đơn là ông Vũ Quang N trình bày như sau:

Ông và bà Bùi Thị T đăng ký kết hôn ngày 10/01/2008 tại Uỷ ban nhân dân xã Tam Dị, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Ông bà kết hôn tự nguyện, có tìm hiểu, đây đều là lần kết hôn đầu tiên của ông, bà. Sau khi kết hôn ông, bà cùng sinh sống tại địa chỉ căn hộ A2-P402, Tòa nhà A3 chung cư V, đường K, phường T, quận C, thành phố Hà Nội. Sau một quá trình chung sống, đến năm 2017 hai bên thường xuyên xảy ra bất đồng mâu thuẫn. Nguyên nhân ban đầu do mâu thuẫn về kinh tế tiền bạc, sau đó do quan điểm sống, lối sống của hai bên khác biệt, không thể dung hòa, không tin tưởng nhau, mâu thuẫn gay gắt làm cho cuộc sống hôn nhân không hòa hợp, không sống cùng nhau được nữa. Hai bên đã có thời gian suy ngẫm, nhìn nhận lại vấn đề hôn nhân mà cả hai đang gặp nhưng cuộc sống vẫn không thể cải thiện, không còn tiếng nói chung. Mặc dù đã được gia đình hai bên, anh em, bạn bè đã hòa giải nhiều lần nhưng tình nghĩa vợ chồng không còn.Vào tháng 12/2019 bà T nhắn tin yêu cầu ông chuyển ra ngoài sống để suy nghĩ về cuộc sống hôn nhân và bà Thủy đã làm đơn ly hôn gửi ra Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy. Sau đó, bà T lại tự ý rút đơn ly hôn về. Kể từ năm 2019 đến nay ông sống ở ngoài, không sống chung với bà T. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, ông đề nghị được ly hôn bà T.

Về vấn đề bà T trình bày ông có quan hệ ngoại tình 02 lần vào năm 2019 và 2021 thì ông không trả lời trong vụ án này.

Về việc bà T trình bày từ năm 2020 ông không thăm gặp con là do việc liên lạc, thăm gặp con khó khăn. Ông liên lạc qua điện thoại không được các cháu hồi đáp, gặp con thì con chỉ khóc chứ không trò chuyện được gì.

Về con chung: Ông và bà T có 02 con chung là cháu Vũ Mai P, sinh ngày 16/10/2008 và cháu Vũ Đình T1, sinh ngày 10/3/2010. Từ khi ông và bà T sống riêng đến nay 02 cháu ở chung với bà T. Hiện nay điều kiện kinh tế và nơi ăn ở của ông không đủ điều kiện để nuôi con nên ông đồng ý để bà T nuôi cả 02 con chung. Ông không có nghề nghiệp ổn định mà chỉ làm thời vụ, ở nhờ tại trụ sở Công ty. Về nghĩa vụ cấp dưỡng, ông tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu 2.500.000 đồng /tháng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các con chung đủ tuổi trưởng thành. Ông chỉ có khả năng cấp dưỡng hàng tháng chứ không có điều kiện kinh tế cấp dưỡng một lần như bà T yêu cầu.

Về tài sản chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về khoản nợ chung: Ông và T không có vay nợ ai, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Tại Bản tự khai, các văn bản tố tụng tại Tòa án và tại phiên tòa, bị đơn là bà Bùi Thị T trình bày như sau:***

Bà và ông Vũ Quang N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tam Dị, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang vào đầu năm 2008. Sau khi kết hôn hai ông bà chung sống tại phường Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, sau đó chuyển đến căn hộ 402 A2 Chung cư V, phường T, quận C, thành phố Hà Nội. Vào năm 2020 chuyển về sinh sống tại phòng 2501, chung cư N05 chung cư H, phường T, quận C, Hà Nội. Trong quá trình chung sống bà xác nhận vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn mà nguyên nhân ban đầu vì kinh tế. Năm 2019 bà phát hiện ông N có quan hệ ngoại tình với một cô sinh viên. Vì vậy, khi đó để thử tình cảm của ông N, bà đã gửi đơn ly hôn ra Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy. Khi đó, bà cho rằng nếu còn tình cảm và nghĩ về gia đình thì ông N sẽ xin lỗi, sửa chữa để quay về với gia đình nhưng khi lên Tòa bà thấy ông N không có ý thức quay về với gia đình, để giữ gia đình cho con bà đã rút đơn ly hôn về. Từ đầu năm 2020 ông N nói về quê xây nhà cho mẹ, không ở chung với 03 mẹ con bà, bà cũng không biết ông N đi đâu, ở đâu. Bà cho biết căn nhà theo hộ khẩu của hai vợ chồng là căn hộ A2-P402, tòa nhà A3 chung cư V, đường K, phường T, quận C, thành phố Hà Nội hiện đã bán và không còn sinh sống tại địa chỉ trên.

Bà không đồng ý ly hôn bởi vì bà còn rất yêu chồng con, các con vẫn còn rất yêu quý bố. Bà luôn muốn bảo vệ và giữ gìn hạnh phúc gia đình. Và hơn hết hai đứa con của bà đang trong lứa tuổi dậy thì, dễ bị sang chấn tâm lý. Đặc biệt là cháu Vũ Mai P thời gian giải quyết ly hôn đang ôn thi chuẩn bị cho kỳ thi chuyển cấp lên trường cấp 3. Bà cần một người cùng bà dạy dỗ, nuôi dưỡng con chung, để các con có cả bố lẫn mẹ. Tuy nhiên suốt thời gian sau đó, ông N mải mê ngoại tình bên ngoài, không chăm lo cho gia đình, đã có quan hệ tình cảm với chị Nguyễn Thị Lan A. Bà đã thu thập được rất nhiều đoạn tin nhắn trong đó có nội dung về việc cô nhân tình nhất quyết yêu cầu ông N về nhà ly hôn vợ để đến với nhau. Việc này vi phạm nghiêm trọng chuẩn mực xã hội. Ông N hiện tại có quan hệ tình cảm với chị Nguyễn Thị Lan A, đã có 01 con chung và đã đăng ký khai sinh tại UBND phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội. Cháu tên là Vũ Gia H, sinh ngày 08/7/2021. Vì thương con và giữ hình ảnh cho ông N mà bà đã không gửi đơn đề nghị xem xét hành vi này đến cơ quan công an. Nếu tại phiên tòa hôm nay ông N không thừa nhận thì bà sẽ làm đến cùng. Nay vì muốn giữ gia đình cho các con, bà vẫn mong muốn đoàn tụ và không đồng ý ly hôn ông N.

Về con chung: Bà và ông N có 02 con chung là cháu Vũ Mai P, sinh ngày 16/10/2008 và cháu Vũ Đình T1, sinh ngày 10/3/2010. Hiện nay 02 con ở chung với bà. Nếu các con muốn ở với bà thì bà đồng ý nuôi cả 02 con, bà tôn trọng sự lựa chọn của các con. Bà xác nhận giai đoạn chuẩn bị xét xử, bà không đồng ý để cán bộ Tòa án ghi ý kiến của các con vì không muốn để các con ảnh hưởng đến việc học trước khi thi chuyển cấp. Nay tại phiên tòa, các con không phát biểu nguyện vọng về việc ở với ai thì bà cũng không có ý kiến gì. Hiện 03 mẹ con bà đang ở tại căn hộ mua đứng tên riêng một mình bà. Bà đang công tác tại Công ty cổ phần nhân lực và thương mại Vinaconex, thu nhập trung bình mỗi tháng là 12.000.000 đồng/tháng. Bà đề nghị ông N cấp dưỡng

nuôi con một lần đến năm 18 tuổi nhưng nếu ông N không đồng ý thì bà đồng ý mức cấp dưỡng hàng tháng mà ông N đưa ra.

Về tài sản chung: Hai vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về khoản nợ chung: Bà và ông N không có vay nợ ai, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận Cầu Giấy tham gia phát biểu ý kiến tại phiên tòa có ý kiến như sau:***

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng: Căn cứ điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy thụ lý đơn ly hôn của ông Vũ Quang N là đúng thẩm quyền; tiến hành phân công Thẩm phán, thư ký theo đúng quy định tại điều 195, 197 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015. Tòa án đã không tuân thủ đúng quy định về thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án theo điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; đã tiến hành tống đạt cho các đương sự và Viện kiểm sát đúng quy định tại các điều 177, 178, 179 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015; quá trình giải quyết và quyết định đưa vụ án ra xét xử theo đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về phiên tòa dân sự sơ thẩm, đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử, thành phần hội đồng xét xử theo đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn tham gia đầy đủ các buổi làm việc tại Tòa án, đã thực hiện đúng quy định về quyền và nghĩa vụ của đương sự tại các điều 70, 71 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Vũ Quang N đối với bà Bùi Thị T. Về con chung: giao cả hai con chung cho bà Bùi Thị T trực tiếp nuôi dưỡng để đảm bảo sự ổn định cho các cháu. Ghi nhận sự thỏa thuận ông N có nghĩa vụ cấp dưỡng 2.500.000 đồng/tháng đối với mỗi con chung. Về tài sản chung, khoản nợ chung không xem xét do hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí: Ông Vũ Quang N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Bùi Thị T có hộ khẩu thường trú tại căn hộ A2-P402, tòa nhà A3 chung cư V, đường K, phường T, quận C, thành phố Hà Nội và hiện ở phòng 2501 29T2 tòa N05 chung cư H, phường T, quận C, thành phố Hà Nội. Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy căn cứ điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 thụ lý vụ án theo thẩm quyền nơi cư trú của bị đơn.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn Hội đồng xét xử thấy: Ông Vũ Quang N và bà Bùi Thị T lấy nhau có đăng ký kết hôn. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét lời trình bày của ông Vũ Quang N, bà Bùi Thị T và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án cho thấy giữa ông N, bà T trong quá trình chung sống đã phát sinh nhiều mâu thuẫn và mẫu thuẫn đã tồn tại trong thời gian dài. Hai bên đã có thời gian sống ly

thân dài, cuộc sống, kinh tế riêng biệt và không có đời sống chung vợ chồng. Về ý kiến trình bày của bà T cho rằng ông N có hành vi ngoại tình, chung sống như vợ chồng và có con riêng, vi phạm chế độ hôn nhân một vợ một chồng, Tòa án đã giải thích pháp luật để bà T thực hiện quyền tố giác tội phạm tại cơ quan điều tra có thẩm quyền vì nội dung này không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhưng hết thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án bà T không thực hiện. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã kiên trì tổ chức hòa giải cho ông, bà nhiều lần nhưng không có kết quả. Vì vậy, Hội đồng xét xử đánh giá mâu thuẫn của ông, bà đã trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông N với bà T.

[3] Về con chung: Ông Vũ Quang N và bà Bùi Thị T có 02 con chung là cháu Vũ Mai P, sinh ngày 16/10/2008 và cháu Vũ Đình T1, sinh ngày 10/3/2010. Ông N trình bày điều kiện kinh tế và nơi ăn ở của ông hiện tại không đủ điều kiện nuôi các con nên ông đồng ý để bà T nuôi cả 02 con. Bà T trình bày sẽ tôn trọng sự lựa chọn của các con. Quá trình chuẩn bị xét xử vụ án, Tòa án đã áp dụng các biện pháp nhưng không ghi nhận được ý kiến của các cháu. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử cho các cháu quyền được trình bày nhưng các cháu không trình bày nguyện vọng muốn ở với ai nếu bố mẹ ly hôn. Hội đồng xét xử thấy, nguyện vọng của các con chỉ là ý kiến để tham khảo khi xem xét, quyết định người trực tiếp nuôi dưỡng. Việc quyết định ai là người đủ điều kiện nuôi dưỡng con chung sau ly hôn phải đánh giá vào điều kiện kinh tế, điều kiện chăm sóc và nơi ăn ở của người nuôi dưỡng, trên tiêu chí đánh giá đảm bảo điều kiện tốt nhất và giữ ổn định cuộc sống của các cháu sau khi bố mẹ ly hôn. Từ thời điểm ông N, bà T không sống chung, các cháu đều ở cùng bà T và được bà T chăm sóc, nuôi dưỡng. Hiện bà T và 02 con có chỗ ở ổn định, là căn hộ chung cư bà T đã mua và đứng tên chủ sở hữu. Bà T có nghề nghiệp ổn định, có thu nhập, hiện là nhân viên của Công ty cổ phần nhân lực và thương mại Vinaconex. Các cháu đều đang học tập tại các trường học tốt trên địa bàn quận Cầu Giấy, trường học gần nơi ở. Trong suốt thời gian được bà T nuôi dưỡng các cháu đều đạt thành tích học tập xuất sắc, phát triển bình thường. Xét thấy, các điều kiện hiện tại của bà T đảm bảo điều kiện nuôi dưỡng các con, đồng thời cũng tránh xáo trộn cuộc sống cho các cháu nên giao cả 02 con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các con chung đủ tuổi trưởng thành hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác là có căn cứ.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Ghi nhận sự thỏa thuận của hai bên về việc ông Vũ Quang N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi con chung là 2.500.000 đồng/tháng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các con chung đủ tuổi trưởng thành hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

[4] Về tài sản chung: Hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[5] Về khoản nợ chung: Hai bên xác nhận không có nên Tòa không xét.

[6] Về án phí: Ông Vũ Quang N phải chịu toàn bộ án phí Ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014

Áp dụng: khoản 1 điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39; điều 147; 203; 210; 227; 235; 271; 273 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

Áp dụng: Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục mức án phí, lệ phí kèm theo Nghị quyết.

**** Xử:*** Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Vũ Quang N đối với bà Bùi Thị T. Ông Vũ Quang N được ly hôn bà Bùi Thị T.

Về con chung: Xác định ông Vũ Quang N và bà Bùi Thị T có 02 con chung là cháu Vũ Mai P, sinh ngày 16/10/2008 và cháu Vũ Đình T1, sinh ngày 10/3/2010. Giao cả 02 con chung cho bà Bùi Thị T trực tiếp nuôi dưỡng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các con chung đủ tuổi trưởng thành hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Ông Vũ Quang N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi con chung số tiền 2.500.000 đồng/tháng (hai triệu năm trăm nghìn đồng một tháng) kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các con chung đủ tuổi trưởng thành hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Ông Vũ Quang N được quyền thăm nom, chăm sóc các con chung, không ai được cản trở.

Về tài sản chung và khoản nợ chung: Tòa án không xét.

Về án phí: Ông Vũ Quang N phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí Ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng số AA/2020/0017927 ngày 01/11/2021 tại Chi cục Thi hành án Dân sự quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội. Ông Vũ Quang N đã nộp đủ tiền án phí.

Về quyền kháng cáo: Ông Vũ Quang N, bà Bùi Thị T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Các đương sự
- VKSND Q.Cầu Giấy
- THA DS Q.Cầu Giấy
- UBND xã Tam Dị, huyện Lục Nam

- Lưu hồ sơ
- Lưu VP

Tô Thanh Tú